

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật
Công trình: Đường cấp Trung tâm Lưu trữ.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh Ban hành Quy định phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND Thành phố về việc Phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư công trình Đường cấp Trung tâm Lưu trữ;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố, tại Tờ trình số 983/TTr-BQLDA ngày 23/12/2022 và Công văn số 1461/PQLĐT ngày 23/12/2022 của Phòng Quản lý Đô thị Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Đường cấp Trung tâm Lưu trữ, cụ thể như sau:

1. Tên công trình: Đường cấp Trung tâm Lưu trữ.
2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND Thành phố.
3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố.
4. Mục tiêu, Quy mô đầu tư xây dựng: Nâng cấp hẻm nội bộ.

Phần đường: Tổng chiều dài: 295,12 m. Trong đó:

- Nhánh chính dài 215,12m. Điểm đầu giao đường quy hoạch N20, điểm cuối giao đường Phạm Tung,

- Nhánh phụ dài 80m. Điểm đầu giao Đường cấp Trung tâm Lưu trữ tại lý trình Km0+80, điểm cuối giáp đất dân.

- Loại đường: Đường phố nội bộ.

- Tốc độ thiết kế: 30 km/h.

*** Nhánh chính:**

- Số làn xe : 2 làn.
- Chiều rộng 1 làn xe : 3,5m.
- Chiều rộng mặt đường : $2 \times 3,5\text{m} = 7\text{m}$.
- Vía hè rộng : $2 \times 3 = 6\text{m}$ (Bao gồm bó vỉa).
- Chiều rộng nền đường : 13m.
- Độ dốc ngang mặt đường : 2%.
- Độ dốc ngang vỉa hè : -2%.
- Taluy đào nền đường : 1/1.
- Taluy đắp nền đường : 1/1,5.
- Loại mặt đường : Mặt đường bê tông nhựa.
- Kết cấu mặt đường : Cấp cao A1.
- Mô đun đàn hồi yêu cầu : $E_{yc} = 120\text{MPa}$.

- Kết cấu mặt đường tính từ dưới lên như sau:

- + Đào (đắp) nền đường đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.
- + Đắp sỏi đỏ dày 30cm, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$.
- + Đắp đá 4x6 chèn đá dăm dày 15cm lớp dưới, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$.
- + Đắp đá 4x6 chèn đá dăm dày 10cm lớp trên, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$.

+ Tưới thấm bám mặt đường bằng nhũ tương phân tách chậm CSS-1 tiêu chuẩn 1kg/m^2 .

+ Thảm lớp BTN C12.5 dày 4cm.

+ Tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 0.5kg/m^2 .

+ Thảm lớp BTN C9.5 dày 3cm.

- Kết cấu vỉa hè tính từ trên xuống như sau:

+ Lát gạch terazo KT 400x400x30

+ Vữa lót bằng bê tông XM M100 dày 2cm.

+ Móng bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm.

+ Đắp đất cấp 2 cao độ thiết kế, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

+ Nền đất hiện hữu, đào đất không thích hợp dày 20cm.

+ Phía ngoài cùng nền đường bố trí gờ chắn cụ thể như sau:

+ Bố trí gờ chắn hai bên cao trung bình 59,0cm (thấp hơn mặt đất tự nhiên trung bình 20cm) không đắp taluy.

+ Gờ chắn làm bằng bê tông đá 1x2 M200 dày 20cm đặt trên lớp giấy dầu.

- Kết cấu bó vỉa như sau:

+ Thiết kế bó vỉa cao hơn mép đường 10cm.

+ Trải lớp giấy dầu chống thấm.

+ Bó vỉa bằng bê tông đá 1x2 M250, rộng 50cm đổ tại chỗ theo từng đoạn dài tối đa 4m.

- Thiết kế nút giao, đường giao:

+ Nút giao vuốt nối vào các nhánh đường bê tông nhựa hiện hữu, bê tông xi măng.

+ Bán kính vuốt nối $R=5\text{m}-8\text{m}$.

+ Kết cấu nút giao như kết cấu mặt đường làm mới.

*** Nhánh phụ:**

- Số làn xe: 1 làn.

- Chiều rộng 1 làn xe: 4m

- Chiều rộng mặt đường: 4m.

- Chiều rộng nền đường: 4m.

- Độ dốc ngang mặt đường: 2%.

- Taluy đào nền đường: 1/1.

- Taluy đắp nền đường : 1/1,5.

- Kết cấu mặt đường tính từ dưới lên như sau:

- + Đào (đắp) nền đường đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.
- + Trải lớp giấy dầu chống thấm.
- + Lớp bê tông xi măng đá 1x2 M250 dày 22cm.

Hệ thống thoát nước

- Làm mới hệ thống cống dọc D800-H30 bên trái tuyến đoạn từ Km0+000 đến Km0+199,97, tìm cống cách tìm đường 4m, tại Km0+199,97 làm đường cống ngang đầu nối vào hố ga hiện hữu trên đường Phạm Tung (cống D800 hiện hữu dẫn về đường 30/4).

- Làm mới cống ngang đường D600 bằng BTCT M300, tải trọng H30 và D400 bằng BTCT M300, tải trọng H30.

- Hố ga bê tông đá 1x2 M250 dày 20cm, tựa lên lớp lót móng bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm.

- Làm mới mương B400 xây gạch thẻ

+ Đáy mương làm bằng bê tông đá 1x2 M250 dày 10cm, tựa lên lớp lót móng bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm.

+Thành mương xây gạch thẻ dày 10cm (bao gồm vữa trát).

+ Phần đà mương được làm bằng bê tông đá 1x2 M250 dày 10cm cao 22cm.

+ Đan mương Đ4 làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước 1 x 0,5m.

+ Đào móng mương bằng máy theo mái dốc 1:0,5. Tận dụng từ đất đào để đắp trả móng mương, đạt độ chặt $K \geq 0,95$ đến cao độ đến cao độ thiết kế.

- Hố ga loại 1, 2, 3, 4:

+ Phần dưới đáy hố ga là khối đúc sẵn cao 0,7m, kích thước 1,4x2m làm bằng BTCT được đúc sẵn trong bãi đúc và vận chuyển ra vị trí cầu lắp vào vị trí, được đặt trên lớp lót móng đá 4x6 M150 dày 0,1m có kích thước 1,6x2,1m.

+ Phần thân hố ga có kích thước 1,4x2m thành dày 20cm, làm bằng bê tông xi măng đá 1x2 M250 thi công đổ tại chỗ.

+ Phần đỉnh hố ga là khối đúc sẵn N1 kích thước 1,4x1m làm bằng BTCT được đúc sẵn trong bãi đúc và vận chuyển ra vị trí cầu lắp vào vị trí.

+ Hố ga thu nước bằng hộp thu N2, kết hợp với van ngăn mùi bằng thép mạ kẽm nhúng nóng.

+ Đan hố ga Đ1 làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước 1,2 x 1m được lát gạch trên đan.

+ Bố trí bó vỉa thu nước bằng gang cầu tải trọng 40T.

+ Bố trí thang leo bằng thép D18 cách nhau 0.3m.

- Hồ ga loại 5:

+ Hồ ga có kích thước 1,4x1,15m thành dày 20cm, làm bằng bê tông xi măng đá 1x2 M250 thi công đổ tại chỗ được đặt trên lớp lót móng đá 4x6 M150 dày 0,1m có kích thước 1,6x1,25m.

+ Hồ ga thu nước bằng hộp thu N2, kết hợp với van ngăn mùi bằng thép mạ kẽm nhúng nóng.

+ Đan hồ ga Đ2 làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước 1,2 x 0,55m được lát gạch trên đan.

+ Bố trí bó vỉa thu nước bằng gang cầu tải trọng 40T.

- Hồ ga loại 6:

+ Hồ ga có kích thước 1x1 m thành dày 20cm, làm bằng bê tông xi măng đá 1x2 M250 thi công đổ tại chỗ được đặt trên lớp lót móng đá 4x6 M150 dày 0,1m có kích thước 1,2x1,2m.

+ Đan hồ ga Đ3 làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước 0,9 x 0,8m.

Cây xanh:

- Trồng mới 35 cây Kèn Hồng có kích thước đường kính gốc 8cm – 9cm; cây cao 3m -:- 5m, trồng cách tim đường 5.2m dọc hai bên, bố trí cách khoảng (8m-:-12m)/cây.

- Mỗi cây gồm 3 cây chống bạch đàn D6-8cm, L=2.5m.

- Mỗi bồn cây gồm 9 viên gạch Block số 8, 1m cổng D1000 được chôn dưới đáy bồn cây, 4 tấm đan bê tông đúc sẵn KT 0,2x1,3x0,1, đặt dưới đáy gạch terazo.

- Các loại cây sau khi trồng phải được chăm sóc 90 ngày mới bàn giao cho đơn vị quản lý

Phần điện chiếu sáng:

- Lắp đặt 7 Trụ thép tròn côn cao 8m dày 3mm, đường kính đáy P190, đường kính đỉnh P68. Đế S12 dập nổi vuông: 400mm. Gân tăng cứng dày 6mm.(Sau khi gia công mạ kẽm nhúng nóng).

- Lắp đặt 2 cần đèn thép đôi làm bằng ống P60x4mm, cao 2m, vươn xa 1.5m. (Sau khi gia công mạ kẽm nhúng nóng).

- Lắp đặt 5 cần đèn thép đơn làm bằng ống P60x4mm, cao 2m, vươn xa 1.5m. (Sau khi gia công mạ kẽm nhúng nóng).

- Lắp đặt 9 bộ đèn LED - 120W (Dimming 5 cấp công suất).

- Lắp đặt 01 điện kế và 01 tủ điều khiển.

An toàn giao thông:

- Sơn tim đường dùng vạch sơn 1.1 nét đứt, tỷ lệ 1:2, vạch sơn dài 1m rộng 0.15m, dày 2mm, khoảng cách giữa 2 vạch sơn là 2m, màu vàng bằng sơn dẻo nhiệt phản quang.

- Sơn vạch báo hiệu phía trước có vạch đi bộ ngang đường dùng vạch sơn 7.6, vạch sơn hình thoi kích thước vạch sơn dài 2500mm rộng 1000mm rộng nét 150mm, màu trắng sơn dẻo nhiệt phản quang dày 2mm.

- Sơn vạch đi bộ ngang đường dùng vạch sơn 7.3, kích thước vạch sơn 400x3000mm vạch cách vạch 600mm, màu trắng sơn dẻo nhiệt phản quang dày 2mm.

- Sơn gờ giảm tốc: 1 cụm 5 vạch, mỗi vạch rộng 0,2m, dày 6mm, màu vàng cách vị trí cảnh báo 20m theo TCCS34:2020/TCĐBVN.

- Lắp đặt 04 trụ và biển báo theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN41-2019/BGTVT về điều lệ báo hiệu đường bộ.

(Quy mô đầu tư chi tiết trong hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng).

5. Tổ chức lập BCKTKT: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến.

6. Địa điểm xây dựng: Phường 3, thành phố Tây Ninh.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Dự án nhóm C, công trình giao thông, cấp IV.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Công trình thiết kế 01 bước, danh mục tiêu chuẩn được lựa chọn theo kết quả thẩm định của Phòng Quản lý Đô thị Thành phố tại Công văn số 1461/PQLĐT ngày 23/12/2022

9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư (làm tròn): **12.864.720.000 đồng** (*Bằng chữ: Mười hai tỷ, tám trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư:	7.924.340.010 đồng.
- Chi phí xây dựng:	3.296.382.481 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	90.620.551 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	284.481.934 đồng.
- Chi phí khác:	88.752.737 đồng.
- Dự phòng phí:	1.180.142.349 đồng.
+ Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh:	584.228.886 đồng.
+ Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá:	595.913.463 đồng.

10. Tiến độ thực hiện: Năm 2022-2024.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Vốn ngân sách Thành phố và Ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

(Chi tiết các nội dung như trong hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đính kèm theo Công văn thông báo kết quả thẩm định số 1461/PQLĐT ngày 23/12/2022 của Phòng Quản lý Đô thị Thành phố)

Điều 2. Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố, Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch Thành phố, Trưởng phòng Quản lý Đô thị Thành phố, Chủ tịch UBND Phường 3, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký. /.

Lgme

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- KBNN Tây Ninh;
- TT. Thành ủy;
- TT.HĐNDTP; ↓
- CT, PCT UBNDTP;
- Lưu: VT.

no) AN



CHỦ TỊCH

HỌ CHỮ TỊCH

Nguyễn Thị Hoàng Oanh





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Về việc thống nhất phương án thiết kế

Công trình: Đường cấp Trung tâm Lưu trữ

Hôm nay vào lúc 9 giờ 30 ngày 14/12/2022 tại Công trình: Đường cấp Trung tâm Lưu trữ.

I. Thành phần tham dự:

1. Đại diện Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố.

- Ông: Lương Văn Có

- Chức vụ: Phó Giám đốc.

- Ông: Dương Tấn Lộc

- Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

2. Đại diện Ủy ban nhân dân Phường 3.

- Ông: Lê Lam Điền

- Chức vụ: Phó chủ Tịch

II. Nội dung:

Thông qua phương án thiết kế công trình Đường cấp Trung tâm Lưu trữ do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố cung cấp hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình ngày 14/12/2022.

Sau khi Kiểm tra thực tế tại hiện trường và xem xét hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Đường cấp Trung tâm Lưu trữ, do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố cung cấp UBND Phường 3 thống nhất phương án thiết kế như sau:

Phần đường: Tổng chiều dài: 295,12 m. Trong đó:

- Nhánh chính dài 215,12m. Điểm đầu giao đường quy hoạch N20, điểm cuối giao đường Phạm Tung,

- Nhánh phụ dài 80m. Điểm đầu giao Đường cấp Trung tâm Lưu trữ tại lý trình Km0+80, điểm cuối giáp đất dân.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

- Loại đường: Đường phố nội bộ.

- Tốc độ thiết kế: 30 km/h.

*** Nhánh chính:**

- Số làn xe : 2 làn.

- Chiều rộng 1 làn xe : 3.5m

- Chiều rộng mặt đường : $2 \times 3,5\text{m} = 7\text{m}$.

- Vía hè rộng : $2 \times 3 = 6\text{m}$ (Bao gồm bó vỉa).



- Chiều rộng nền đường : 13m.
- Độ dốc ngang mặt đường : 2%.
- Độ dốc ngang vỉa hè : -2%.
- Taluy đào nền đường : 1/1.
- Taluy đắp nền đường : 1/1,5.
- Loại mặt đường : Mặt đường bê tông nhựa.
- Kết cấu mặt đường : Cấp cao A1.
- Mô đun đàn hồi yêu cầu : $E_{yc} = 120\text{MPa}$.

- Kết cấu mặt đường tính từ dưới lên như sau:

- + Đào (đắp) nền đường đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.
- + Đắp sỏi đỏ dày 30cm, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$.
- + Đắp đá 4x6 chèn đá dăm dày 15cm lớp dưới, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$.
- + Đắp đá 4x6 chèn đá dăm dày 10cm lớp trên, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$.
- + Tưới thấm bám mặt đường bằng nhũ tương phân tách chậm CSS-1 tiêu chuẩn 1kg/m^2 .
- + Thảm lớp BTN C12.5 dày 4cm.
- + Tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 0.5kg/m^2 .
- + Thảm lớp BTN C9.5 dày 3cm.

- Kết cấu vỉa hè tính từ trên xuống như sau:

- + Lát gạch terazo KT 400x400x30
- + Vữa lót bằng bê tông XM M100 dày 2cm.
- + Móng bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm.
- + Đắp đất cấp 2 cao độ thiết kế, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.
- + Nền đất hiện hữu, đào đất không thích hợp dày 20cm.
- + Phía ngoài cùng nền đường bố trí gờ chắn cụ thể như sau:
- + Bố trí gờ chắn hai bên cao trung bình 59,0cm (thấp hơn mặt đất tự nhiên trung bình 20cm) không đắp taluy.
- + Gờ chắn làm bằng bê tông đá 1x2 M200 dày 20cm đặt trên lớp giấy dầu.

- Kết cấu bó vỉa như sau:

- + Thiết kế bó vỉa cao hơn mép đường 10cm.
- + Trải lớp giấy dầu chống thấm.
- + Bó vỉa bằng bê tông đá 1x2 M250, rộng 50cm đổ tại chỗ theo từng đoạn dài tối đa 4m.

- Thiết kế nút giao, đường giao:

- + Nút giao vuốt nối vào các nhánh đường bê tông nhựa hiện hữu, bê tông xi măng.
- + Bán kính vuốt nối $R=5\text{m}-8\text{m}$.
- + Kết cấu nút giao như kết cấu mặt đường làm mới.

*** Nhánh phụ:**

- Số làn xe: 1 làn.
- Chiều rộng 1 làn xe: 4m
- Chiều rộng mặt đường: 4m.
- Chiều rộng nền đường: 4m.
- Độ dốc ngang mặt đường: 2%.
- Taluy đào nền đường: 1/1.
- Taluy đắp nền đường : 1/1,5.

- Kết cấu mặt đường tính từ dưới lên như sau:

- + Đào (đắp) nền đường đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.
- + Trải lớp giấy dầu chống thấm.
- + Lớp bê tông xi măng đá 1x2 M250 dày 22cm.

Hệ thống thoát nước

- Làm mới hệ thống cống dọc D800-H30 bên trái tuyến đoạn từ Km0+000 đến Km0+199,97, tìm cống cách tim đường 4m, tại Km0+199,97 làm đường cống ngang đầu nối vào hố ga hiện hữu trên đường Phạm Tung (cống D800 hiện hữu dẫn về đường 30/4).

- Làm mới cống ngang đường D600 bằng BTCT M300, tải trọng H30 và D400 bằng BTCT M300, tải trọng H30.

- Hố ga bê tông đá 1x2 M250 dày 20cm, tựa lên lớp lót móng bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm.

- Làm mới mương B400 xây gạch thẻ

+ Đáy mương làm bằng bê tông đá 1x2 M250 dày 10cm, tựa lên lớp lót móng bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm.

+Thành mương xây gạch thẻ dày 10cm (bao gồm vữa trát).

+ Phần đà mương được làm bằng bê tông đá 1x2 M250 dày 10cm cao 22cm.

+ Đan mương Đ4 làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước 1 x 0,5m.

+ Đào móng mương bằng máy theo mái dốc 1:0,5. Tận dụng từ đất đào để đắp trả móng mương, đạt độ chặt $K \geq 0,95$ đến cao độ đến cao độ thiết kế.

- Hố ga loại 1, 2, 3, 4:

+ Phần dưới đáy hố ga là khối đúc sẵn cao 0,7m, kích thước 1,4x2m làm bằng BTCT được đúc sẵn trong bãi đúc và vận chuyển ra vị trí cần lắp vào vị trí, được đặt trên lớp lót móng đá 4x6 M150 dày 0,1m có kích thước 1,6x2,1m.

+ Phần thân hố ga có kích thước 1,4x2m thành dày 20cm, làm bằng bê tông xi măng đá 1x2 M250 thi công đổ tại chỗ.

+ Phần đỉnh hố ga là khối đúc sẵn N1 kích thước 1,4x1m làm bằng BTCT được đúc sẵn trong bãi đúc và vận chuyển ra vị trí cần lắp vào vị trí.

+ Hố ga thu nước bằng hộp thu N2, kết hợp với van ngăn mùi bằng thép mạ kẽm nhúng nóng.

+ Đan hố ga Đ1 làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước 1,2 x 1m được lát gạch trên đan.



+ Bố trí bó vỉa thu nước bằng gang cầu tải trọng 40T.

+ Bố trí thang leo bằng thép D18 cách nhau 0.3m.

- Hồ ga loại 5:

+ Hồ ga có kích thước 1,4x1,15m thành dày 20cm, làm bằng bê tông xi măng đá 1x2 M250 thi công đổ tại chỗ được đặt trên lớp lót móng đá 4x6 M150 dày 0,1m có kích thước 1,6x1,25m.

+ Hồ ga thu nước bằng hộp thu N2, kết hợp với van ngăn mùi bằng thép mạ kẽm nhúng nóng.

+ Đan hồ ga Đ2 làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước 1,2 x 0,55m được lát gạch trên đan.

+ Bố trí bó vỉa thu nước bằng gang cầu tải trọng 40T.

- Hồ ga loại 6:

+ Hồ ga có kích thước 1x1 m thành dày 20cm, làm bằng bê tông xi măng đá 1x2 M250 thi công đổ tại chỗ được đặt trên lớp lót móng đá 4x6 M150 dày 0,1m có kích thước 1,2x1,2m.

+ Đan hồ ga Đ3 làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước 0,9 x 0,8m.

Cây xanh:

- Trồng mới 35 cây Kèn Hồng có kích thước đường kính gốc 8cm – 9cm; cây cao 3m - :- 5m, trồng cách tim đường 5.2m dọc hai bên, bố trí cách khoảng (8m-:-12m)/cây.

- Mỗi cây gồm 3 cây chống bạch đàn D6-8cm, L=2.5m.

- Mỗi bồn cây gồm 9 viên gạch Block số 8, 1m cổng D1000 được chôn dưới đáy bồn cây, 4 tấm đan bê tông đúc sẵn KT 0,2x1,3x0,1, đặt dưới đáy gạch terazo.

- Các loại cây sau khi trồng phải được chăm sóc 90 ngày mới bàn giao cho đơn vị quản lý

Phần điện chiếu sáng:

- Lắp đặt 7 Trụ thép tròn côn cao 8m dày 3mm, đường kính đáy P190, đường kính đỉnh P68. Đế S12 dập nổi vuông: 400mm. Gân tăng cứng dày 6mm.(Sau khi gia công mạ kẽm nhúng nóng).

- Lắp đặt 2 đèn đèn thép đôi làm bằng ống P60x4mm, cao 2m, vươn xa 1.5m. (Sau khi gia công mạ kẽm nhúng nóng).

- Lắp đặt 5 đèn đèn thép đơn làm bằng ống P60x4mm, cao 2m, vươn xa 1.5m. (Sau khi gia công mạ kẽm nhúng nóng).

- Lắp đặt 9 bộ đèn LED - 120W (Dimming 5 cấp công suất).

- Lắp đặt 01 điện kế và 01 tủ điều khiển.

An toàn giao thông:

- Sơn tim đường dùng vạch sơn 1.1 nét đứt, tỷ lệ 1:2, vạch sơn dài 1m rộng 0.15m, dày 2mm, khoảng cách giữa 2 vạch sơn là 2m, màu vàng bằng sơn dẻo nhiệt phản quang.

- Sơn vạch báo hiệu phía trước có vạch đi bộ ngang đường dùng vạch sơn 7.6, vạch sơn hình thoi kích thước vạch sơn dài 2500mm rộng 1000mm rộng nét 150mm, màu trắng sơn dẻo nhiệt phản quang dày 2mm.

- Sơn vạch đi bộ ngang đường dùng vạch sơn 7.3, kích thước vạch sơn 400x3000mm vạch cách vạch 600mm, màu trắng sơn dẻo nhiệt phản quang dày 2mm.

- Sơn gờ giảm tốc: 1 cụm 5 vạch, mỗi vạch rộng 0,2m, dày 6mm, màu vàng cách vị trí cảnh báo 20m theo TCCS34:2020/TCĐBVN.

- Lắp đặt 04 trụ và biển báo theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN41-2019/BGTVT về điều lệ báo hiệu đường bộ.

(Quy mô đầu tư chi tiết trong hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng)

III. Kết luận:

- Các bên tham gia thống nhất phương án thiết kế như trên.

- Biên bản này làm cơ sở để Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố triển khai các bước tiếp theo.

- Biên bản lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản, kết thúc cùng ngày và đồng ý ký tên./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

Phó Giám đốc

CBKT


Lương Văn Có


Dương Tấn Lộc

ĐẠI DIỆN UBND PHƯỜNG 3

PHÓ CHỦ TỊCH




Lê Lam Điền

TP. Tây Ninh, ngày 23 tháng 12 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật
Công trình: Đường cặp Trung tâm Lưu trữ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh Ban hành Quy định phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND Thành phố về việc Phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư công trình Đường cặp Trung tâm Lưu trữ;

Căn cứ hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Đường cặp Trung tâm Lưu trữ do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến lập tháng 12/2022;

Căn cứ Công văn số 1461/PQLĐT ngày 23/12/2022 của Trưởng phòng Quản lý Đô thị Thành phố về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đường cặp Trung tâm Lưu trữ

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố kính trình UBND thành phố Tây Ninh phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Đường cặp Trung tâm Lưu trữ, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH:

1. Tên công trình: Đường cặp Trung tâm Lưu trữ
2. Loại, Cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.
3. Thuộc công trình: Đường cặp Trung tâm Lưu trữ.
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
 - Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố (Điện thoại số 02763826292, Địa chỉ: số 135, đường Nguyễn Trãi, phường IV, thành phố Tây Ninh)
5. Địa điểm xây dựng: Phường 3, thành phố Tây Ninh.
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **12.864.720.000 đồng.**

(Bằng chữ: Mười hai tỷ, tám trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư:	7.924.340.010	đồng.
- Chi phí xây dựng:	3.296.382.481	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	90.620.551	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	284.481.934	đồng.
- Chi phí khác:	88.752.737	đồng.
- Dự phòng phí:	1.180.142.349	đồng.
+ Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh:	584.228.886	đồng.
+ Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá:	595.913.463	đồng.

7. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Thành phố và Ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu.

8. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến.

9. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến.

10 Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây Dựng Minh Trung

11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

STT	Tiêu chuẩn khảo sát	Mã hiệu
1	Đường Ô tô – Tiêu Chuẩn Khảo sát	TCCS 31 : 2020/TCĐBVN
2	Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu	TCCS 41 : 2022/TCĐBVN
3	Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vồng Benkelman	TCVN 8867:2011
4	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
5	Tiêu chuẩn tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
STT	Thí nghiệm mẫu:	Mã hiệu
1	Thí nghiệm xác định thành phần hạt	TCVN 4198 : 2014
2	Phương pháp xác định khối lượng riêng	TCVN 4195 : 2012
3	Phương pháp xác định độ ẩm	TCVN 4196 : 2012
4	Phương pháp xác định giới hạn Attenberg	TCVN 4197 : 2012
5	Phương pháp xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202 : 2012
6	Chỉnh lý thống kê kết quả thí nghiệm	TCVN 9153 : 2012
STT	Tiêu chuẩn thiết kế	Mã hiệu
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật: Công trình giao thông	QCVN 07-4 : 2016/BXD

2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thoát nước	QCVN 07-2 : 2016/BXD
3	Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị	TCXDVN 104 – 2007
4	Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô	TCVN 4054 – 05
5	Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38 : 2022/TCĐBVN
6	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39 : 2022/TCĐBVN
7	Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước mạng lưới và công trình bên ngoài	TCVN 7957-2008
8	Tiêu chuẩn thiết kế ống BTCT thoát nước	TCVN 9113:2012
9	Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
10	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2019/BGTVT
Stt	Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	Mã hiệu
1	Công trình xây dựng - Tổ chức thi công	TCVN 4055 : 2012
2	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447 : 2012
3	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436 : 2012
4	Mặt đường bê tông nhựa nóng - yêu cầu thi công và nghiệm thu;	TCVN 13567:2022
5	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 40:2022/TCĐBVN
6	Quy định tạm thời về kỹ thuật thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	QĐ số: 1951/QĐ-BGTVT ngày 17/08/2012
7	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861 : 2011
8	Quy trình thi công và nghiệm thu cầu cống	20TCN 266 : 2000
9	Quy phạm thi công và nghiệm thu kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 4453 : 1995
10	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115 : 2019
11	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570 : 2006
12	Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9377 : 2012
13	Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506 : 2012
14	Bê tông - Yêu cầu dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828 : 2011
15	Thông tư quy định về quản lý chất lượng vật liệu nhựa đường sử dụng trong xây dựng công trình giao thông.	Số: 27/2014/TT-BGTVT ngày 28/7/2014

16	Lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 5408 : 2007
	Các tiêu chuẩn và qui phạm về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:	
TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Quy phạm kỹ thuật an toàn trong XD	TCVN 5308 – 1991
2	An toàn điện trong xây dựng	TCVN 4036 – 1985
3	An toàn cháy – Yêu cầu chung	TCVN 3254 – 1989
4	An toàn nổ – Yêu cầu chung	TCVN 3255 – 1986

12. Các thông tin khác có liên quan:

- Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có): Không.
- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.
- Thời gian thực hiện đầu tư: Năm 2022 - 2024

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh nguồn vốn đầu tư dự án Đường cặp Trung tâm Lưu trữ;

Công văn số 1461/PQLĐT ngày 23/12/2022 của Trưởng phòng Quản lý Đô thị Thành phố về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đường cặp Trung tâm Lưu trữ

Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế: Theo hồ sơ được duyệt.

Hồ sơ hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Đường cặp Trung tâm Lưu trữ do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến lập tháng 12/2022.

2. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

Báo cáo ngày 21/12/2022 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố.

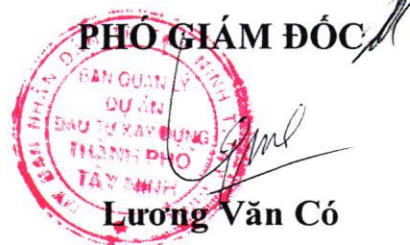
Kính trình UBND thành phố Tây Ninh xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC


Lương Văn Có

Số: 1461/PQLĐT

Thành phố, ngày 23 tháng 12 năm 2022

V/v thông báo kết quả thẩm định
Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây
dựng Công trình: Đường cấp
Trung tâm Lưu trữ

Kính gửi: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Thành phố.

Phòng Quản lý Đô thị thành phố Tây Ninh đã nhận Tờ trình số 952/TTr-BQLDA ngày 21/12/2022 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố về việc Thẩm định hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng Công trình: Đường cấp Trung tâm Lưu trữ.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 62/2020/QH14.

Căn cứ Luật Đầu tư công số: 39/2019/QH14 ban hành ngày 13/06/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP 06/4/2020 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định về phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND Thành phố về chủ trương đầu tư dự án Đường cấp Trung tâm Lưu trữ;

Trên cơ sở Báo cáo Kết quả Thẩm tra thiết kế xây dựng số 186/MT-TKCD ngày 14/12/2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây Dựng Minh Trung và hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng được Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến hoàn chỉnh theo kết quả thẩm tra.

Sau khi xem xét, Phòng Quản lý Đô thị thành phố Tây Ninh thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH:

1. Tên công trình: Đường cặp Trung tâm Lưu trữ .
2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.
3. Tên dự án đầu tư xây dựng: Đường cặp Trung tâm Lưu trữ.
4. Địa điểm xây dựng: Phường 3, thành phố Tây Ninh.
5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố Tây Ninh.
6. Giá trị dự toán (làm tròn): **12.864.720.000 đồng**.
7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Thành Phố và Tỉnh hỗ trợ mục tiêu.
8. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến.
9. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Minh Trung.
10. Nhà thầu lập khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến.
11. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:
 - + Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.
 - + Quy chuẩn quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng QCVN 02:2009/BXD.
 - + Quy chuẩn quốc gia về Nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 03:2012/BXD.
 - + Quy chuẩn quốc gia về xây dựng lưới tọa độ QCVN 04:2009/BTNMT.
 - + Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới cao độ QCVN 11:2008/BTNMT.
 - + Quy chuẩn quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng QCVN 10:2014/BXD.
 - + QCVN 07-2 : 2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật: Công trình thoát nước.
 - + QCVN 07-3 : 2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật: Công trình Hào và Tuynen kỹ thuật.
 - + QCVN 07-4 : 2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật: Công trình giao thông.
 - + QCVN 07-5 : 2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật công trình cấp điện;
 - + QCVN 07-7 : 2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật công trình chiếu sáng;
 - + Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng QCVN 16: 2019/BXD.
 - + Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500; 1/1000; 1/2000; 1/5000.
 - + 22TCN 263 - 2000 Quy trình khảo sát đường ô tô.

- + 22TCN 262 - 2000 Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu.
- + TCVN 8867:2011 Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman.
- + TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung.
- + TCVN 9845:2013 Tiêu chuẩn tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ.
- + ASSHTO T99: 1990 Phương pháp thí nghiệm đầm nén mẫu vật liệu.
- + TCVN 9351:2012 Đất xây dựng - phương pháp thí nghiệm hiện trường - thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT).
- + 22TCN251-98 Tiêu chuẩn xác định modun đàn hồi bằng cần Benkenman.
- + TCXDVN 104 - 2007 Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị.
- + QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.
- + TCVN 4054-05 Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô.
- + 22TCN 211 - 2006 Tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm.
- + QĐ số 3230/QĐ - BGTVT ngày 14/12/2012 Quy định tạm thời về thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông.
- + TCVN 7957-2008 Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước mạng lưới và công trình bên ngoài.
- + TCVN 9113:2012 Tiêu chuẩn thiết kế ống BTCT thoát nước.
- + TCVN 5574:2018 Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.
- + TCVN 4055:2012 Công trình xây dựng - Tổ chức thi công.
- + TCVN 4447:2012 Công tác đất - Thi công và nghiệm thu.
- + TCVN 9436:2012 Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu.
- + TCVN 8857:2011 Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên - Vật liệu, thi công và nghiệm thu.
- + TCVN 9504:2012 Lớp kết cấu áo đường đá dăm nước - Thi công và nghiệm thu.
- + TCVN 13567:2022 Mặt đường bê tông nhựa nóng - Yêu cầu thi công và nghiệm thu.
- + TCVN 8861:2011 Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng.
- + TCVN 8791:2011 Sơn tín hiệu giao thông – vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo – yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu.
- + 20TCN 266-2000 Quy trình thi công và nghiệm thu cầu cống.
- + TCVN 9116:2012 Cống hộp bê tông cốt thép.
- + TCVN 4453:1995 Quy phạm thi công và nghiệm thu kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.

+ TCVN 9115:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu.

+ TCVN 7570-2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật.

+ TCVN 9377:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu.

+ TCVN 4506 :2012 Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật.

+ TCVN 8828:2011 Bê tông - Yêu cầu dưỡng ẩm tự nhiên.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND Thành phố về chủ trương đầu tư dự án Đường cấp Trung tâm Lưu trữ.

Tờ trình số 952/TTr-BQLDA ngày 21/12/2022 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố về việc Thẩm định hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng Công trình: Đường cấp Trung tâm Lưu trữ .

Kết quả thẩm định nội bộ Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Đường cấp Trung tâm Lưu trữ, ngày 21/12/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố.

Báo cáo tổng hợp về hồ sơ trình thẩm định: Công trình Đường cấp Trung tâm Lưu trữ, ngày 21/12/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố.

Quyết định số 459/QĐ-BQLDA ngày 16/11/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố về việc phê duyệt Đề cương khảo sát, nhiệm vụ thiết kế công trình: Đường cấp Trung tâm Lưu trữ .

Quyết định số 460/QĐ-BQLDA ngày 16/11/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố về việc phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư công trình: Đường cấp Trung tâm Lưu trữ.

Quyết định số 461/QĐ-BQLDA ngày 16/11/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bước chuẩn bị đầu tư công trình: Đường cấp Trung tâm Lưu trữ

Quyết định số 462/QĐ -BQLDA ngày 07/11/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố về việc chỉ định đơn vị tư vấn khảo sát, lập BCKTKT công trình: Đường cấp Trung tâm Lưu trữ.

Quyết định số 464/QĐ -BQLDA ngày 16/11/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố về việc chỉ định đơn vị thẩm tra BCKTKT công trình: Đường cấp Trung tâm Lưu trữ

Quyết định số 463/QĐ -BQLDA ngày 16/11/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố về việc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát công trình: Đường cấp Trung tâm Lưu trữ.

2. Hồ sơ tài liệu:

Đề cương khảo sát – Nhiệm vụ thiết kế ngày 16/11/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố công trình: Đường cấp Trung tâm Lưu trữ .

Báo cáo kết quả khảo sát địa hình (bước lập BCKTKT) công trình: Đường cấp Trung tâm Lưu trữ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến.

Theo hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật công: Đường cặp Trung tâm Lưu trữ do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến lập;

Báo cáo Kết quả Thăm tra thiết kế xây dựng số 186/MT-TKCD ngày 14/12/2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Minh Trung.

3. Năng lực hoạt động xây dựng, của các tổ chức và năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thiết kế xây dựng công trình:

a. Nhà thầu khảo sát, lập BCKTKT:

- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến, mã số Doanh nghiệp 3900838551, đăng ký lần đầu ngày 23/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 20/07/2018 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

- Chứng chỉ Năng lực hoạt động xây dựng:

+ Chứng chỉ Năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00002790 ngày 31/7/2017 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp, phạm vi hoạt động: Khảo sát địa hình hạng I, địa chất công trình Hạng II; thiết kế công trình giao thông đường bộ và Hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình xử lý CTR) Hạng II.

+ Chứng chỉ Năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00002790 ngày 25/8/2020 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp, phạm vi hoạt động: Khảo sát xây dựng địa chất Hạng I; Thiết kế xây dựng công trình giao thông Hạng I.

- Chứng chỉ hành nghề của các cá nhân:

- Chủ nhiệm khảo sát địa hình: Ông Nguyễn Văn Nho: chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00019244 ngày 25/05/2021; nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng Khảo sát địa hình Hạng I.

- Chủ nhiệm thiết kế: Ông Đào Trung Dũng, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số TAN-00016722 ngày 16/01/2018 nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng Thiết kế công trình giao thông đường bộ Hạng II, Thiết kế hạ tầng kỹ thuật thoát nước Hạng III.

- Chủ trì thiết kế giao thông: Ông Phan Hoàng Ân: chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số TAN - 00016796 ngày 26/07/2022, nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng Thiết kế công trình giao thông đường bộ Hạng II; Thiết kế xây dựng công trình thoát nước Hạng III.

- Chủ trì thiết kế điện: Ông Hồ Tấn Tài: chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số TAN - 00034201 ngày 16/08/2018, nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng Thiết kế điện - cơ điện Hạng II; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, công nghệ.

- Chủ trì lập dự toán xây dựng: KS. Bà Phan Thị Ngọc Tuyết; chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số TAN - 00016797 ngày 16/01/2018; nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng Định giá xây dựng Hạng II

b. Nhà thầu thăm tra: Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng Minh Trung.

Chứng chỉ Năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00008603 ngày 27/8/2021 do Cục Công tác phía Nam - Bộ Xây dựng cấp, phạm vi hoạt động: Thiết kế, thăm tra thiết kế công trình giao thông (cầu, đường bộ): Hạng I và Chứng chỉ Năng lực hoạt động xây dựng số HCM-00008603 ngày 13/9/2018 do

Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh cấp, phạm vi hoạt động: Thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật (Thoát nước, chiếu sáng công cộng): Hạng II, .

Chứng chỉ hành nghề của các cá nhân:

Chủ trì thẩm tra thiết kế đường: KS. Phạm Thị Diệu Hiền: Chứng chỉ hành nghề số BXD-00029610 ngày 15/03/2019 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng – Bộ Xây dựng cấp; lĩnh vực hoạt động: Thiết kế xây dựng công trình giao thông: Hạng I.

Chủ trì thẩm tra thiết kế thoát nước: KS. Nguyễn Minh Sang, Chứng chỉ hành nghề số HTV-00115778 ngày 05/2/2021 do Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam cấp; lĩnh vực hoạt động: Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật: Hạng II.

Chủ trì thẩm tra thiết kế chiếu sáng: KS. Hà Quang Điện, Chứng chỉ hành nghề số HCM-00008633 ngày 15/6/2020 do Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh cấp; lĩnh vực hoạt động: Thiết kế điện công trình hạ tầng kỹ thuật (chiếu sáng công cộng): Hạng II.

Chủ trì thẩm tra dự toán: KS. Tôn Nữ Thị Liên; Chứng chỉ số HTV-00029611 ngày 05/7/2018 do Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam cấp; Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng Định giá xây dựng: Hạng II.

Chủ nhiệm thẩm tra: KS. Trần Sỹ Minh, Chứng chỉ hành nghề số BXD-00021910 ngày 15/03/2019 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng – Bộ Xây dựng cấp; lĩnh vực hoạt động: Thiết kế xây dựng công trình giao thông: Hạng I; Định giá xây dựng: Hạng I ./.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Tên công trình: Đường cấp Trung tâm Lưu trữ.
2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố Tây Ninh.
3. Tổ chức lập BCKTKT: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến.
4. Chủ nhiệm lập BCKTKT: Đào Trung Dũng.
5. Mục tiêu xây dựng: Nâng cấp hẻm nội bộ.
6. Địa điểm xây dựng: Phường 3, thành phố Tây Ninh.
7. Quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư:

Phần đường: Tổng chiều dài: 295,12 m. Trong đó:

- Nhánh chính dài 215,12m. Điểm đầu giao đường quy hoạch N20, điểm cuối giao đường Phạm Tung,

- Nhánh phụ dài 80m. Điểm đầu giao Đường cấp Trung tâm Lưu trữ tại lý trình Km0+80, điểm cuối giáp đất dân.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

- Loại đường: Đường phố nội bộ.

- Tốc độ thiết kế: 30 km/h.

*** Nhánh chính:**

- Số làn xe : 2 làn.

- Chiều rộng 1 làn xe : 3.5m

- Chiều rộng mặt đường : $2 \times 3,5\text{m} = 7\text{m}$.
- Vía hè rộng : $2 \times 3 = 6\text{m}$ (Bao gồm bó vỉa).
- Chiều rộng nền đường : 13m .
- Độ dốc ngang mặt đường : 2% .
- Độ dốc ngang vỉa hè : -2% .
- Taluy đào nền đường : $1/1$.
- Taluy đắp nền đường : $1/1,5$.
- Loại mặt đường : Mặt đường bê tông nhựa.
- Kết cấu mặt đường : Cấp cao A1.
- Mô đun đàn hồi yêu cầu : $E_{yc} = 120\text{MPa}$.

- Kết cấu mặt đường tính từ dưới lên như sau:

- + Đào (đắp) nền đường đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.
- + Đắp sỏi đỏ dày 30cm , lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$.
- + Đắp đá 4×6 chèn đá dăm dày 15cm lớp dưới, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$.
- + Đắp đá 4×6 chèn đá dăm dày 10cm lớp trên, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$.
- + Tưới thấm bám mặt đường bằng nhũ tương phân tách chậm CSS-1 tiêu chuẩn 1kg/m^2 .
- + Thảm lớp BTN C12.5 dày 4cm .
- + Tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 0.5kg/m^2 .
- + Thảm lớp BTN C9.5 dày 3cm .

- Kết cấu vỉa hè tính từ trên xuống như sau:

- + Lát gạch terazo KT $400 \times 400 \times 30$
- + Vữa lót bằng bê tông XM M100 dày 2cm .
- + Móng bằng bê tông đá 4×6 M150 dày 10cm .
- + Đắp đất cấp 2 cao độ thiết kế, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.
- + Nền đất hiện hữu, đào đất không thích hợp dày 20cm .
- + Phía ngoài cùng nền đường bố trí gờ chắn cụ thể như sau:
- + Bố trí gờ chắn hai bên cao trung bình $59,0\text{cm}$ (thấp hơn mặt đất tự nhiên trung bình 20cm) không đắp taluy.
- + Gờ chắn làm bằng bê tông đá 1×2 M200 dày 20cm đặt trên lớp giấy dầu.

- Kết cấu bó vỉa như sau:

- + Thiết kế bó vỉa cao hơn mép đường 10cm .
- + Trải lớp giấy dầu chống thấm.
- + Bó vỉa bằng bê tông đá 1×2 M250, rộng 50cm đổ tại chỗ theo từng đoạn dài tối đa 4m .

- Thiết kế nút giao, đường giao:

+ Nút giao vuốt nối vào các nhánh đường bê tông nhựa hiện hữu, bê tông xi măng.

+ Bán kính vuốt nối $R=5m-8m$.

+ Kết cấu nút giao như kết cấu mặt đường làm mới.

*** Nhánh phụ:**

- Số làn xe: 1 làn.

- Chiều rộng 1 làn xe: 4m

- Chiều rộng mặt đường: 4m.

- Chiều rộng nền đường: 4m.

- Độ dốc ngang mặt đường: 2%.

- Taluy đào nền đường: 1/1.

- Taluy đắp nền đường : 1/1,5.

- Kết cấu mặt đường tính từ dưới lên như sau:

+ Đào (đắp) nền đường đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

+ Trải lớp giấy dầu chống thấm.

+ Lớp bê tông xi măng đá 1x2 M250 dày 22cm.

Hệ thống thoát nước

- Làm mới hệ thống cống dọc D800-H30 bên trái tuyến đoạn từ Km0+000 đến Km0+199,97, tìm cống cách tìm đường 4m, tại Km0+199,97 làm đường cống ngang đầu nối vào hố ga hiện hữu trên đường Phạm Tung (cống D800 hiện hữu dẫn về đường 30/4).

- Làm mới cống ngang đường D600 bằng BTCT M300, tải trọng H30 và D400 bằng BTCT M300, tải trọng H30.

- Hố ga bê tông đá 1x2 M250 dày 20cm, tựa lên lớp lót móng bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm.

- Làm mới mương B400 xây gạch thẻ

+ Đáy mương làm bằng bê tông đá 1x2 M250 dày 10cm, tựa lên lớp lót móng bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm.

+Thành mương xây gạch thẻ dày 10cm (bao gồm vữa trát).

+ Phần đà mương được làm bằng bê tông đá 1x2 M250 dày 10cm cao 22cm.

+ Đan mương Đ4 làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước 1 x 0,5m.

+ Đào móng mương bằng máy theo mái dốc 1:0,5. Tận dụng từ đất đào để đắp trả móng mương, đạt độ chặt $K \geq 0,95$ đến cao độ đến cao độ thiết kế.

- Hố ga loại 1, 2, 3, 4:

+ Phần dưới đáy hố ga là khối đúc sẵn cao 0,7m, kích thước 1,4x2m làm bằng BTCT được đúc sẵn trong bãi đúc và vận chuyển ra vị trí cầu lắp vào vị trí, được đặt trên lớp lót móng đá 4x6 M150 dày 0,1m có kích thước 1,6x2,1m.

+ Phần thân hồ ga có kích thước 1,4x2m thành dày 20cm, làm bằng bê tông xi măng đá 1x2 M250 thi công đổ tại chỗ.

+ Phần đỉnh hồ ga là khối đúc sẵn N1 kích thước 1,4x1m làm bằng BTCT được đúc sẵn trong bãi đúc và vận chuyển ra vị trí cầu lắp vào vị trí.

+ Hồ ga thu nước bằng hộp thu N2, kết hợp với van ngăn mùi bằng thép mạ kẽm nhúng nóng.

+ Đan hồ ga Đ1 làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước 1,2 x 1m được lát gạch trên đan.

+ Bố trí bó vỉa thu nước bằng gang cầu tải trọng 40T.

+ Bố trí thang leo bằng thép D18 cách nhau 0.3m.

- Hồ ga loại 5:

+ Hồ ga có kích thước 1,4x1,15m thành dày 20cm, làm bằng bê tông xi măng đá 1x2 M250 thi công đổ tại chỗ được đặt trên lớp lót móng đá 4x6 M150 dày 0,1m có kích thước 1,6x1,25m.

+ Hồ ga thu nước bằng hộp thu N2, kết hợp với van ngăn mùi bằng thép mạ kẽm nhúng nóng.

+ Đan hồ ga Đ2 làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước 1,2 x 0,55m được lát gạch trên đan.

+ Bố trí bó vỉa thu nước bằng gang cầu tải trọng 40T.

- Hồ ga loại 6:

+ Hồ ga có kích thước 1x1 m thành dày 20cm, làm bằng bê tông xi măng đá 1x2 M250 thi công đổ tại chỗ được đặt trên lớp lót móng đá 4x6 M150 dày 0,1m có kích thước 1,2x1,2m.

+ Đan hồ ga Đ3 làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước 0,9 x 0,8m.

Cây xanh:

- Trồng mới 35 cây Kèn Hồng có kích thước đường kính gốc 8cm – 9cm; cây cao 3m -:- 5m, trồng cách tim đường 5.2m dọc hai bên, bố trí cách khoảng (8m-:-12m)/cây.

- Mỗi cây gồm 3 cây chống bạch đàn D6-8cm, L=2.5m.

- Mỗi bồn cây gồm 9 viên gạch Block số 8, 1m cổng D1000 được chôn dưới đáy bồn cây, 4 tấm đan bê tông đúc sẵn KT 0,2x1,3x0,1, đặt dưới đáy gạch terazo.

- Các loại cây sau khi trồng phải được chăm sóc 90 ngày mới bàn giao cho đơn vị quản lý

Phần điện chiếu sáng:

- Lắp đặt 7 Trụ thép tròn côn cao 8m dày 3mm, đường kính đáy P190, đường kính đỉnh P68. Đế S12 đập nổi vuông: 400mm. Gân tăng cứng dày 6mm.(Sau khi gia công mạ kẽm nhúng nóng).

- Lắp đặt 2 cần đèn thép đôi làm bằng ống P60x4mm, cao 2m, vươn xa 1.5m. (Sau khi gia công mạ kẽm nhúng nóng).

- Lắp đặt 5 cần đèn thép đơn làm bằng ống P60x4mm, cao 2m, vươn xa 1.5m. (Sau khi gia công mạ kẽm nhúng nóng).

- Lắp đặt 9 bộ đèn LED - 120W (Dimming 5 cấp công suất).

- Lắp đặt 01 điện kế và 01 tủ điều khiển.

An toàn giao thông:

- Sơn tim đường dùng vạch sơn 1.1 nét đứt, tỷ lệ 1:2, vạch sơn dài 1m rộng 0.15m, dày 2mm, khoảng cách giữa 2 vạch sơn là 2m, màu vàng bằng sơn dẻo nhiệt phản quang.

- Sơn vạch báo hiệu phía trước có vạch đi bộ ngang đường dùng vạch sơn 7.6, vạch sơn hình thoi kích thước vạch sơn dài 2500mm rộng 1000mm rộng nét 150mm, màu trắng sơn dẻo nhiệt phản quang dày 2mm.

- Sơn vạch đi bộ ngang đường dùng vạch sơn 7.3, kích thước vạch sơn 400x3000mm vạch cách vạch 600mm, màu trắng sơn dẻo nhiệt phản quang dày 2mm.

- Sơn gờ giảm tốc: 1 cụm 5 vạch, mỗi vạch rộng 0,2m, dày 6mm, màu vàng cách vị trí cảnh báo 20m theo TCCS34:2020/TCĐBVN.

- Lắp đặt 04 trụ và biển báo theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN41-2019/BGTVT về điều lệ báo hiệu đường bộ.

(Quy mô đầu tư chi tiết trong hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng)

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG.

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng: *Tuân thủ.*

2. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng, thẩm tra thiết kế: *Đủ điều kiện.*

3. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế cơ sở đã được cơ quan xây dựng thẩm định: *Phù hợp.*

4. Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp yêu cầu phải thẩm tra thiết kế theo quy định: *Đúng quy định.*

5. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về việc xác định dự toán xây dựng: *Tuân thủ.*

6. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường: *Tuân thủ.*

7. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật khác có liên quan: *Tuân thủ.*

8. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế, dự toán xây dựng: *Không.*

9. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm định (làm tròn): **12.864.720.000 đồng.**

(Bằng chữ: Mười hai tỷ, tám trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

Stt	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị	Giá trị thẩm định	Tăng (+)
-----	------------------	-----------------	-------------------	----------

				giảm (-)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư:	7.924.340.010	7.924.340.010	
2	Chi phí xây dựng:	3.296.382.481	3.296.382.481	0
3	- Chi phí quản lý dự án:	90.620.551	90.620.551	0
4	- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	284.481.934	284.481.934	0
5	- Chi phí khác:	88.752.737	88.752.737	0
6	- Dự phòng phí:	1.180.142.349	1.180.142.349	0
	+ Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh:	584.228.886	584.228.886	0
	+ Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá:	595.913.463	595.913.463	0
Tổng cộng (làm tròn):		12.864.720.000	12.864.720.000	0

* Nguyên nhân tăng, giảm không thay đổi là do đã thống nhất và điều chỉnh với, chủ đầu tư và đơn vị lập dự toán.

* Công ty CPTVĐTXD Minh Trung chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra về bảng vẽ thiết kế và dự toán dự án Đường cấp Trung tâm Lưu trữ.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

- Đủ điều kiện để trình phê duyệt.
- Đề nghị chủ đầu tư kiểm tra khối lượng, nguồn gốc, chủng loại vật liệu dự toán trước khi quyết toán công trình.
- Đề nghị chủ đầu tư thẩm định, duyệt giá đối với các loại vật liệu không có trong Công bố giá vật liệu xây dựng của liên Sở Xây dựng – Tài chính tỉnh Tây Ninh.
- Đề nghị chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND thành phố Tây Ninh phê duyệt.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Trương Uy Vũ

TP. Tây Ninh, ngày 21 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG CẤP TRUNG TÂM LƯU TRỮ

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh;
- Phòng Quản lý Đô thị thành phố Tây Ninh.

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh Ban hành Quy định phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND Thành phố về chủ trương đầu tư dự án Đường cấp Trung tâm Lưu trữ;

Căn cứ hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Đường cấp Trung tâm Lưu trữ do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến lập tháng 12/2022 và Báo cáo kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán công trình Đường cấp Trung tâm Lưu trữ số 186/MT-TKCD ngày 14/12/2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Minh Trung.

Sau khi thẩm định Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Đường cấp Trung tâm Lưu trữ như sau:

1. Tóm tắt các nội dung chủ yếu của công trình:

a. Tên công trình: Đường cấp Trung tâm Lưu trữ.

- Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

b. Địa điểm xây dựng: Phường 3, thành phố Tây Ninh.

c. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến.

d. Nhà thầu thực hiện khảo sát địa hình: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến.

e. Giải pháp thiết kế, quy mô xây dựng, các thông số kỹ thuật chủ yếu:

Phản đường: Tổng chiều dài: 295,12 m. Trong đó:

- Nhánh chính dài 215,12m. Điểm đầu giao đường quy hoạch N20, điểm cuối giao đường Phạm Tung,

- Nhánh phụ dài 80m. Điểm đầu giao Đường cấp Trung tâm Lưu trữ tại lý trình Km0+80, điểm cuối giáp đất dân.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

- Loại đường: Đường phố nội bộ.

- Tốc độ thiết kế: 30 km/h.

*** Nhánh chính:**

- Số làn xe : 2 làn.

- Chiều rộng 1 làn xe : 3.5m

- Chiều rộng mặt đường : $2 \times 3,5\text{m} = 7\text{m}$.

- Vía hè rộng : $2 \times 3 = 6\text{m}$ (Bao gồm bó vỉa).

- Chiều rộng nền đường : 13m.

- Độ dốc ngang mặt đường : 2%.

- Độ dốc ngang vỉa hè : -2%.

- Taluy đào nền đường : 1/1.

- Taluy đắp nền đường : 1/1,5.

- Loại mặt đường : Mặt đường bê tông nhựa.

- Kết cấu mặt đường : Cấp cao A1.

- Mô đun đàn hồi yêu cầu : $E_{yc} = 120\text{MPa}$.

- Kết cấu mặt đường tính từ dưới lên như sau:

+ Đào (đắp) nền đường đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

+ Đắp sỏi đỏ dày 30cm, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$.

+ Đắp đá 4x6 chèn đá dăm dày 15cm lớp dưới, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$.

+ Đắp đá 4x6 chèn đá dăm dày 10cm lớp trên, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$.

+ Tưới thấm bám mặt đường bằng nhũ tương phân tách chậm CSS-1 tiêu chuẩn 1kg/m^2 .

+ Thảm lớp BTN C12.5 dày 4cm.

+ Tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 0.5kg/m^2 .

+ Thảm lớp BTN C9.5 dày 3cm.

- Kết cấu vỉa hè tính từ trên xuống như sau:

+ Lát gạch terazo KT 400x400x30

- + Vữa lót bằng bê tông XM M100 dày 2cm.
- + Móng bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm.
- + Đắp đất cấp 2 cao độ thiết kế, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.
- + Nền đất hiện hữu, đào đất không thích hợp dày 20cm.
- + Phía ngoài cùng nền đường bố trí gờ chắn cụ thể như sau:
- + Bố trí gờ chắn hai bên cao trung bình 59,0cm (thấp hơn mặt đất tự nhiên trung bình 20cm) không đắp taluy.
- + Gờ chắn làm bằng bê tông đá 1x2 M200 dày 20cm đặt trên lớp giấy dầu.

- Kết cấu bó vỉa như sau:

- + Thiết kế bó vỉa cao hơn mép đường 10cm.
- + Trải lớp giấy dầu chống thấm.
- + Bó vỉa bằng bê tông đá 1x2 M250, rộng 50cm đổ tại chỗ theo từng đoạn dài tối đa 4m.

- Thiết kế nút giao, đường giao:

- + Nút giao vuốt nối vào các nhánh đường bê tông nhựa hiện hữu, bê tông xi măng.
- + Bán kính vuốt nối $R=5m-8m$.
- + Kết cấu nút giao như kết cấu mặt đường làm mới.

*** Nhánh phụ:**

- Số làn xe: 1 làn.
- Chiều rộng 1 làn xe: 4m
- Chiều rộng mặt đường: 4m.
- Chiều rộng nền đường: 4m.
- Độ dốc ngang mặt đường: 2%.
- Taluy đào nền đường: 1/1.
- Taluy đắp nền đường : 1/1,5.

- Kết cấu mặt đường tính từ dưới lên như sau:

- + Đào (đắp) nền đường đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.
- + Trải lớp giấy dầu chống thấm.
- + Lớp bê tông xi măng đá 1x2 M250 dày 22cm.

Hệ thống thoát nước

- Làm mới hệ thống cống dọc D800-H30 bên trái tuyến đoạn từ Km0+000 đến Km0+199,97, tìm cống cách tìm đường 4m, tại Km0+199,97 làm đường cống ngang đầu nối vào hố ga hiện hữu trên đường Phạm Tung (cống D800 hiện hữu dẫn về đường 30/4).
- Làm mới cống ngang đường D600 bằng BTCT M300, tải trọng H30 và D400 bằng BTCT M300, tải trọng H30.

- Hồ ga bê tông đá 1x2 M250 dày 20cm, tựa lên lớp lót móng bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm.

- Làm mới mương B400 xây gạch thẻ

+ Đáy mương làm bằng bê tông đá 1x2 M250 dày 10cm, tựa lên lớp lót móng bằng bê tông đá 4x6 M150 dày 10cm.

+Thành mương xây gạch thẻ dày 10cm (bao gồm vữa trát).

+ Phần đà mương được làm bằng bê tông đá 1x2 M250 dày 10cm cao 22cm.

+ Đan mương Đ4 làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước 1 x 0,5m.

+ Đào móng mương bằng máy theo mái dốc 1:0,5. Tận dụng từ đất đào để đắp trả móng mương, đạt độ chặt $K \geq 0,95$ đến cao độ đến cao độ thiết kế.

- Hồ ga loại 1, 2, 3, 4:

+ Phần dưới đáy hồ ga là khối đúc sẵn cao 0,7m, kích thước 1,4x2m làm bằng BTCT được đúc sẵn trong bãi đúc và vận chuyển ra vị trí cầu lắp vào vị trí, được đặt trên lớp lót móng đá 4x6 M150 dày 0,1m có kích thước 1,6x2,1m.

+ Phần thân hồ ga có kích thước 1,4x2m thành dày 20cm, làm bằng bê tông xi măng đá 1x2 M250 thi công đổ tại chỗ.

+ Phần đỉnh hồ ga là khối đúc sẵn N1 kích thước 1,4x1m làm bằng BTCT được đúc sẵn trong bãi đúc và vận chuyển ra vị trí cầu lắp vào vị trí.

+ Hồ ga thu nước bằng hộp thu N2, kết hợp với van ngăn mùi bằng thép mạ kẽm nhúng nóng.

+ Đan hồ ga Đ1 làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước 1,2 x 1m được lát gạch trên đan.

+ Bố trí bó vỉa thu nước bằng gang cầu tải trọng 40T.

+ Bố trí thang leo bằng thép D18 cách nhau 0.3m.

- Hồ ga loại 5:

+ Hồ ga có kích thước 1,4x1,15m thành dày 20cm, làm bằng bê tông xi măng đá 1x2 M250 thi công đổ tại chỗ được đặt trên lớp lót móng đá 4x6 M150 dày 0,1m có kích thước 1,6x1,25m.

+ Hồ ga thu nước bằng hộp thu N2, kết hợp với van ngăn mùi bằng thép mạ kẽm nhúng nóng.

+ Đan hồ ga Đ2 làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước 1,2 x 0,55m được lát gạch trên đan.

+ Bố trí bó vỉa thu nước bằng gang cầu tải trọng 40T.

- Hồ ga loại 6:

+ Hồ ga có kích thước 1x1 m thành dày 20cm, làm bằng bê tông xi măng đá 1x2 M250 thi công đổ tại chỗ được đặt trên lớp lót móng đá 4x6 M150 dày 0,1m có kích thước 1,2x1,2m.

+ Đan hồ ga Đ3 làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước 0,9 x 0,8m.

Cây xanh:

- Trồng mới 35 cây Kèn Hồng có kích thước đường kính gốc 8cm – 9cm; cây cao 3m -:- 5m, trồng cách tim đường 5.2m dọc hai bên, bố trí cách khoảng (8m-:-12m)/cây.
- Mỗi cây gồm 3 cây chống bạch đàn D6-8cm, L=2.5m.
- Mỗi bồn cây gồm 9 viên gạch Block số 8, 1m cống D1000 được chôn dưới đáy bồn cây, 4 tấm đan bê tông đúc sẵn KT 0,2x1,3x0,1, đặt dưới đáy gạch terazo.
- Các loại cây sau khi trồng phải được chăm sóc 90 ngày mới bàn giao cho đơn vị quản lý

Phần điện chiếu sáng:

- Lắp đặt 7 Trụ thép tròn côn cao 8m dày 3mm, đường kính đáy P190, đường kính đỉnh P68. Đế S12 dập nổi vuông: 400mm. Gân tăng cứng dày 6mm.(Sau khi gia công mạ kẽm nhúng nóng).
- Lắp đặt 2 cần đèn thép đôi làm bằng ống P60x4mm, cao 2m, vươn xa 1.5m. (Sau khi gia công mạ kẽm nhúng nóng).
- Lắp đặt 5 cần đèn thép đơn làm bằng ống P60x4mm, cao 2m, vươn xa 1.5m. (Sau khi gia công mạ kẽm nhúng nóng).
- Lắp đặt 9 bộ đèn LED - 120W (Dimming 5 cấp công suất).
- Lắp đặt 01 điện kế và 01 tủ điều khiển.

An toàn giao thông:

- Sơn tim đường dùng vạch sơn 1.1 nét đứt, tỷ lệ 1:2, vạch sơn dài 1m rộng 0.15m, dày 2mm, khoảng cách giữa 2 vạch sơn là 2m, màu vàng bằng sơn dẻo nhiệt phản quang.
- Sơn vạch báo hiệu phía trước có vạch đi bộ ngang đường dùng vạch sơn 7.6, vạch sơn hình thoi kích thước vạch sơn dài 2500mm rộng 1000mm rộng nét 150mm, màu trắng sơn dẻo nhiệt phản quang dày 2mm.
- Sơn vạch đi bộ ngang đường dùng vạch sơn 7.3, kích thước vạch sơn 400x3000mm vạch cách vạch 600mm, màu trắng sơn dẻo nhiệt phản quang dày 2mm.
- Sơn gờ giảm tốc: 1 cụm 5 vạch, mỗi vạch rộng 0,2m, dày 6mm, màu vàng cách vị trí cảnh báo 20m theo TCCS34:2020/TCĐBVN.
- Lắp đặt 04 trụ và biển báo theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN41-2019/BGTVT về điều lệ báo hiệu đường bộ.

(Quy mô đầu tư chi tiết trong hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng)

f. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

STT	Tiêu chuẩn khảo sát	Mã hiệu
1	Đường Ô tô – Tiêu Chuẩn Khảo sát	TCCS 31 : 2020/TCĐBVN
2	Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu	TCCS 41 : 2022/TCĐBVN
3	Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vồng Benkelman	TCVN 8867:2011
4	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
5	Tiêu chuẩn tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
STT	Thí nghiệm mẫu:	Mã hiệu

1	Thí nghiệm xác định thành phần hạt	TCVN 4198 : 2014
2	Phương pháp xác định khối lượng riêng	TCVN 4195 : 2012
3	Phương pháp xác định độ ẩm	TCVN 4196 : 2012
4	Phương pháp xác định giới hạn Attenberg	TCVN 4197 : 2012
5	Phương pháp xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202 : 2012
6	Chỉnh lý thống kê kết quả thí nghiệm	TCVN 9153 : 2012
STT	Tiêu chuẩn thiết kế	Mã hiệu
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật: Công trình giao thông	QCVN 07-4 : 2016/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thoát nước	QCVN 07-2 : 2016/BXD
3	Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị	TCXDVN 104 – 2007
4	Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô	TCVN 4054 – 05
5	Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38 : 2022/TCĐBVN
6	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39 : 2022/TCĐBVN
7	Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước mạng lưới và công trình bên ngoài	TCVN 7957-2008
8	Tiêu chuẩn thiết kế ống BTCT thoát nước	TCVN 9113:2012
9	Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
10	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2019/BGTVT
Stt	Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	Mã hiệu
1	Công trình xây dựng - Tổ chức thi công	TCVN 4055 : 2012
2	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447 : 2012
3	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436 : 2012
4	Mặt đường bê tông nhựa nóng - yêu cầu thi công và nghiệm thu;	TCVN 13567:2022
5	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 40:2022/TCĐBVN
6	Quy định tạm thời về kỹ thuật thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	QĐ số: 1951/QĐ-BGTVT ngày 17/08/2012
7	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861 : 2011
8	Quy trình thi công và nghiệm thu cầu cống	20TCN 266 : 2000
9	Quy phạm thi công và nghiệm thu kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 4453 : 1995
10	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115 : 2019

11	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570 : 2006
12	Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9377 : 2012
13	Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506 : 2012
14	Bê tông - Yêu cầu dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828 : 2011
15	Thông tư quy định về quản lý chất lượng vật liệu nhựa đường sử dụng trong xây dựng công trình giao thông.	Số: 27/2014/TT-BGTVT ngày 28/7/2014
16	Lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 5408 : 2007
	Các tiêu chuẩn và qui phạm về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:	
TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Quy phạm kỹ thuật an toàn trong XD	TCVN 5308 – 1991
2	An toàn điện trong xây dựng	TCVN 4036 – 1985
3	An toàn cháy – Yêu cầu chung	TCVN 3254 – 1989
4	An toàn nổ – Yêu cầu chung	TCVN 3255 – 1986

2. Kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công:

a. Sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công với quy mô xây dựng trong Báo cáo kinh tế – kỹ thuật: phù hợp.

b. Việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng: theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

c. Sự hợp lý của giải pháp kết cấu công trình: hợp lý.

d. Đánh giá mức độ an toàn của công trình: an toàn.

e. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền công nghệ và thiết bị công nghệ đối với công trình có yêu cầu công nghệ.

f. Sự tuân thủ các quy định về môi trường, phòng cháy, chữa cháy, an ninh, quốc phòng: tuân thủ.

3. Kết quả thẩm định dự toán:

a. Tính đúng đắn của việc áp dụng định mức, đơn giá, chế độ, chính sách và các khoản mục chi phí theo quy định của Nhà nước có liên quan đến các chi phí trong tính toán.

b. Sự phù hợp khối lượng xây dựng tính từ thiết kế với khối lượng xây dựng trong dự toán.

c. Kết quả thẩm định dự toán được tổng hợp như sau:

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư:	7.924.340.010	đồng.
- Chi phí xây dựng:	3.296.382.481	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	90.620.551	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	284.481.934	đồng.
- Chi phí khác:	88.752.737	đồng.

- Dự phòng phí:	1.180.142.349	đồng.
+ Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh:	584.228.886	đồng.
+ Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá:	595.913.463	đồng.

Tổng cộng (làm tròn):

12.864.720.000 đồng

(Bằng chữ: Mười hai tỷ, tám trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

d. Thời gian thực hiện: 2022-2024.

4. Kết luận:

Đủ điều kiện phê duyệt.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Đường cặp Trung tâm Lưu trữ./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: VT.

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



TP. Tây Ninh, ngày 19 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO TỔNG HỢP

Về hồ sơ trình thẩm định

Kính gửi: Phòng Quản lý đô thị thành phố Tây Ninh .

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ hồ sơ KTKT đầu tư xây dựng công trình: Đường cạp Trung tâm Lưu trữ do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến thực hiện;

Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh trình Báo cáo tổng hợp hồ sơ báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình trên với các nội dung sau:

1. Sự phù hợp về thành phần, quy cách của hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật so với quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật (*hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật bao gồm: thuyết minh dự án, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan*).

2. Thống kê các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng trong hồ sơ thiết kế xây dựng dự án.

STT	Tiêu chuẩn khảo sát	Mã hiệu
1	Đường Ô tô – Tiêu Chuẩn Khảo sát	TCCS 31 : 2020/TCĐBVN
2	Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu	TCCS 41 : 2022/TCĐBVN
3	Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2011
4	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
5	Tiêu chuẩn tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
STT	Thí nghiệm mẫu:	Mã hiệu

1	Thí nghiệm xác định thành phần hạt	TCVN 4198 : 2014
2	Phương pháp xác định khối lượng riêng	TCVN 4195 : 2012
3	Phương pháp xác định độ ẩm	TCVN 4196 : 2012
4	Phương pháp xác định giới hạn Attenberg	TCVN 4197 : 2012
5	Phương pháp xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202 : 2012
6	Chỉnh lý thống kê kết quả thí nghiệm	TCVN 9153 : 2012
STT	Tiêu chuẩn thiết kế	Mã hiệu
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật: Công trình giao thông	QCVN 07-4 : 2016/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thoát nước	QCVN 07-2 : 2016/BXD
3	Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị	TCXDVN 104 – 2007
4	Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô	TCVN 4054 – 05
5	Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38 : 2022/TCĐBVN
6	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39 : 2022/TCĐBVN
7	Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước mạng lưới và công trình bên ngoài	TCVN 7957-2008
8	Tiêu chuẩn thiết kế ống BTCT thoát nước	TCVN 9113:2012
9	Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
10	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2019/BGTVT
Stt	Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	Mã hiệu
1	Công trình xây dựng - Tổ chức thi công	TCVN 4055 : 2012
2	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447 : 2012
3	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436 : 2012
4	Mặt đường bê tông nhựa nóng - yêu cầu thi công và nghiệm thu;	TCVN 13567:2022
5	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 40:2022/TCĐBVN
6	Quy định tạm thời về kỹ thuật thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	QĐ số: 1951/QĐ-BGTVT ngày 17/08/2012
7	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861 : 2011
8	Quy trình thi công và nghiệm thu cầu cống	20TCN 266 : 2000
9	Quy phạm thi công và nghiệm thu kết cấu bê tông và bê	TCVN 4453 : 1995

	tông cốt thép	
10	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115 : 2019
11	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570 : 2006
12	Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9377 : 2012
13	Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506 : 2012
14	Bê tông - Yêu cầu dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828 : 2011
15	Thông tư quy định về quản lý chất lượng vật liệu nhựa đường sử dụng trong xây dựng công trình giao thông.	Số: 27/2014/TT-BGTVT ngày 28/7/2014
16	Lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 5408 : 2007
	Các tiêu chuẩn và qui phạm về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:	
TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Quy phạm kỹ thuật an toàn trong XD	TCVN 5308 – 1991
2	An toàn điện trong xây dựng	TCVN 4036 – 1985
3	An toàn cháy – Yêu cầu chung	TCVN 3254 – 1989
4	An toàn nổ – Yêu cầu chung	TCVN 3255 – 1986

3. Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế, lập dự toán xây dựng dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến, mã số Doanh nghiệp 3900838551, đăng ký lần đầu ngày 23/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 06/6/2022 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

4. Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng dự án.

+ Có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00002790 được Cục công tác phía nam trực thuộc Bộ xây dựng cấp ngày 25/08/2020, còn hiệu lực:

- Khảo sát địa chất: Hạng I.
- Thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình Giao thông: Hạng I.

+ Có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng: Thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình dân dụng: Hạng II do Sở xây dựng Tây Ninh cấp kèm theo Quyết định số 91/QĐ-SXD ngày 26/07/2022, còn hiệu lực.

+ Có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng: Khảo sát địa hình: Hạng II; Thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật (Cấp thoát nước): Hạng III do Sở xây dựng Tây Ninh cấp kèm theo Quyết định số 91/QĐ-SXD ngày 03/08/2022, còn hiệu lực.

a. Các chủ nhiệm khảo sát lập báo cáo KTKT:

- Chủ nhiệm khảo sát địa hình: Ông Nguyễn Văn Nho: chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00019244 ngày 25/05/2021; nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng Khảo sát địa hình Hạng I.

b. Các chủ nhiệm dự án, chủ trì thiết kế lập báo cáo KTKT:

- Chủ nhiệm thiết kế: Ông Đào Trung Dũng: chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số TAN-00016722 ngày 16/01/2018; nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng Thiết kế công trình giao thông đường bộ Hạng II, Thiết kế hạ tầng kỹ thuật thoát nước Hạng III.

- Chủ trì thiết kế giao thông: Ông Phan Hoàng Ân: chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số TAN - 00016796 ngày 26/07/2022, nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng Thiết kế công trình giao thông đường bộ Hạng II; Thiết kế xây dựng công trình thoát nước Hạng III.

- Chủ trì thiết kế điện: Ông Hồ Tấn Tài: chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số TAN - 00034201 ngày 16/08/2018, nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng Thiết kế điện – cơ điện Hạng II; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, công nghệ.

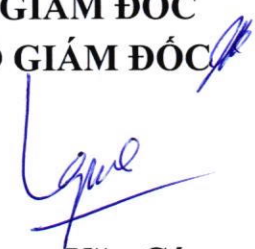
c. Chủ trì lập dự toán xây dựng: KS. Bà Phan Thị Ngọc Tuyết; chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số TAN - 00016797 ngày 16/01/2018; nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng Định giá xây dựng Hạng II.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lương Văn Có

QUYẾT ĐỊNH
Về chủ trương đầu tư công trình
Đường cấp Trung tâm Lưu trữ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định phân cấp về quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 26/6/2020 của HĐND Thành phố giao cho UBND Thành phố quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách Thành phố bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh (trừ dự án nhóm B);

Theo đề nghị của Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố tại Tờ trình số 937/TTr-BQLDA ngày 13/8/2021 và Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án số 70/BC-PTCKH ngày 22/7/2021 của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư công trình Đường cấp Trung tâm Lưu trữ, do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố lập, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu đầu tư:

Từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông theo qui hoạch được duyệt, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng và phát triển đô thị. Góp phần tăng tiêu chí về mật độ đường giao thông, cống thoát nước trong khu vực nội thị từng bước nâng cấp thành phố Tây Ninh thành đô thị loại 2.

Đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân trong khu vực, tạo thành mạng lưới giao thông thông suốt kết nối các tuyến đường đã được đầu tư xây dựng và góp hoàn thiện hệ giao thông trong toàn tỉnh Tây Ninh, giảm áp lực giao thông cho đường Trường Chinh. Đảm bảo môi trường sạch đẹp, tăng tính mỹ quan cho thành phố Tây Ninh trong quá trình đổi mới và phát triển.

2. Quy mô đầu tư:

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 22/03/2019 của UBND Thành phố Tây Ninh về việc phê duyệt quy hoạch phân khu số 2 “Khu đổi ngoại” TP.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, tỉ lệ 1/2000 đã được phê duyệt và Qui chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị (QCVN 07-4-2016). Qui mô dự án được đề xuất như sau:

- Tổng chiều dài tuyến khoảng: 296m.
- Loại đường: Đường phố gom.
- Dự án nhóm: C; Cấp công trình: Cấp IV.
- **Nhánh chính dài 216m.**
 - + Điểm đầu: giao với đường quy hoạch N20.
 - + Điểm cuối: giao với đường Phạm Tung.
 - Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa nóng.
 - Bề rộng mặt cắt ngang theo qui hoạch được duyệt như sau:
 - + Chiều rộng mặt đường : 7m
 - + Chiều rộng lề đường : 2x3,0m
 - + Chiều rộng nền đường : 13m
 - + Lộ giới quy hoạch : 13m
 - Hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật: Gồm cống thoát nước mưa, lát gạch vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, hệ thống an toàn giao thông, được đầu tư đồng bộ theo Qui hoạch phân khu 1/2.000 được phê duyệt.
- **Nhánh phụ dài 80 m.**
 - + Điểm đầu: giao với đường cặp Trung tâm lưu trữ tại lý trình Km0+80.
 - + Điểm cuối: giáp đất dân.
 - Kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng.
 - Bề rộng mặt cắt ngang theo hiện trạng như sau:
 - + Chiều rộng mặt đường : 4m
 - + Chiều rộng nền đường : 4 m
 - Làm mới mương thoát nước B400, xây gạch thẻ.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án (làm tròn): 13.347.345.000 đồng

Bằng chữ: Mười ba tỷ, ba trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi lăm ngàn đồng.

Trong đó:

- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng 7.385.572.480 đồng.
- Chi phí xây dựng: 4.286.040.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 114.398.304 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 357.514.157 đồng.
- Chi phí khác: 68.135.687 đồng.
- Chi phí dự phòng: 1.135.684.438 đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách Thành phố và tỉnh hỗ trợ mục tiêu.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường 3, thành phố Tây Ninh.

7. Thời gian thực hiện công trình:

- Thời gian chuẩn bị đầu tư: Năm 2021
- Thời gian thực hiện đầu tư: năm 2022-2024.

8. Tiến độ thực hiện công trình:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Quý III năm 2021 đến Quý II năm 2022.
- Giai đoạn thực hiện đầu tư: Quý II năm 2022 đến Quý IV năm 2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thành Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Đường cấp Trung tâm Lưu trữ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật đầu tư công và pháp luật liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch Thành phố, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này báo cáo UBND Thành phố theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- KBNN Tây Ninh;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng Oanh